

ĐƯỢC GIÚP ĐỠ.			
Nuốt vào :- SÚC MIỆNG KỸ VỚI NƯỚC SẠCH. UỐNG 1 – 2 LY NƯỚC HOẶC SỮA. ĐẾN CƠ QUAN Y TẾ GẦN NHẤT ĐỂ ĐƯỢC GIÚP ĐỠ.			
Hít vào :- ĐEM NẠN NHẬN RA NƠI THÔNG MÁT. RỒI ĐẾN CƠ QUAN Y TẾ GẦN NHẤT.			
Sản phẩm	DIVERFORCE QED	Trang :	2 Of 3
		Ngày phát hành :	8/12/00

PHẦN 6 – BIỆN PHÁP CHỐNG CHÁY

Sản phẩm :-	Không cháy
Giới hạn cháy (%) :-	N/A
Chất dập tắt :-	Nước, carbon dioxide hoặc bột khô
Thủ tục chống cháy đặc biệt :-	Mặc đồ phòng cháy chuyên dụng, đeo mặt nạ phòng chống hơi độc ở khu vực xảy ra cháy
Khả năng nguy hiểm :-	Có tính ăn mòn. Sinh ra hơi ga độc khi bị cháy
Khả năng nguy hiểm trong thực tế của các loại hóa chất :-	Nhiều dung dịch có khả năng ăn mòn. Ngăn không tiếp xúc với da và mắt.

PHẦN 7 – BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG TAI NẠN XẢY RA

Bước tiến hành trong trường hợp rò rỉ hoặc đổ ra :-	Chú ý. Hóa chất đổ ra rất khó giải quyết. Mặc đồ bảo hộ thích hợp bao gồm găng tay và kính che mắt. Tưới bằng nhiều nước để làm loãng nồng độ hóa chất ít nhất 0.5% nếu không sẽ làm bắn dòng nước hoặc ảnh hưởng đến cây cối. Trong trường hợp khác, làm loãng bằng cách giội nước xuống cống (foul sewer) hoặc hút bằng cát khô hay vật liệu tương tự và vứt bỏ dưới sự cho phép của ban giám đốc công ty. Vứt bỏ chất thải đúng nơi qui định .
---	---

PHẦN 8 – TRÌNH BÀY VÀ CẤT GIỮ

Trình bày và cất giữ :-	Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Không sử dụng hoặc phun trên sàn nhà, không đổ lên sàn vì sản phẩm có tính trơn trượt. Cất giữ nơi khô, mát và thông thoáng. Tránh xa tầm tay trẻ em. Để xa nơi cất giữ thức ăn và thực phẩm cho gia súc.
-------------------------	---

PHẦN 9 – KIỂM SOÁT THÀNH PHẦN VÀ BẢO HỘ LAO ĐỘNG

a. Thành phần:-	Sodium Hydroxide : 1310-73-2 No value assigned for this specific material, however TLV :2mg/m3 for sodiumHydroxide as published by NH & MRC. Oral lowest lethal dose (rabbit) : 500 mg/kgfor 10% solution or solid caustic soda.
b. Bảo hộ lao động	
Mắt -	Khi sử dụng sản phẩm nguyên chất hoặc dung dịch phải đeo kính.
Da-	Mặc quần áo bảo hộ lao động và tạp dề.
Găng tay -	Găng tay cao su
Hô hấp -	Wear NIOSH approved respirator if the TLV are exceeded.
Khác-	Tắm rửa sạch sẽ và rửa mắt.
c. Sự thông thoáng :-	Đầy đủ theo tiêu chuẩn

PHẦN 10 : TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Sản phẩm :-	Ổn định dưới sự cất giữ và điều kiện sử dụng bình thường
Độc hại :-	Sẽ không xảy ra

Điều kiện cần tránh :-	Tránh trộn lẫn với axit				
Tính xung khắc(Material To Avoid) :-	Tiếp xúc nhôm, thiếc, kẽm và hợp kim giải phóng cho ra khí Hydro có thể gây cháy nổ.				
Nguy hiểm khi sản phẩm bị phân hủy:-	Sản phẩm bị phân hủy cho ra Oxýt Cacbon và Nitơ				
Sản phẩm	DIVERFORCE QED	Trang :	3 Of 3	Ngày phát hành :	8/12/00

PHẦN 11 : THÔNG TIN ĐỘC HẠI					
a) Độ độc hại :-	Toxicity by ingestion for sodium hydroxide ; (10% solution) oral rabbit LD 50 = 500mg/kg				
b) Gây ung thư :-	Không				
c) Tái sản xuất :-	Không				
d) Effect of exposure :-					
Đường thâm nhập	Hậu quả				
Sự hít phải :-	Khó chịu dữ dội, có thể gây phù phổi, dị ứng đường hô hấp and may cause bronchospasm in chlorine sensitive individual				
Sự nuốt vào :-	Gây phỏng nặng				
Mắt :-	Hủy hoại nặng và hoàn toàn				
Da :-	Gây phỏng nặng				
PHẦN 12 – VẤN ĐỀ SINH THÁI					
Biến đổi :-	Có thể trộn lẫn với nước				
Độc hại sinh học :-	N/A				
Thối rửa :-	N/A				
Độ độc :-	Dung dịch kiềm, độc hại cho môi trường nước, không được đổ bỏ trực tiếp xuống hồ, ao, sông ngòi				
PHẦN 13 – VẤN ĐỀ CHẤT THẢI					
Vấn đề chất thải phải được xử lý đúng như luật pháp qui định					
PHẦN 14 – THÔNG TIN VẬN CHUYỂN					
UN Number :-	1824				
T.D.G Classification :-	8, Corrosive				
Packing Group :-	II				
Special Shipping Instructions :-	None				
PHẦN 15 THÔNG TIN THÔNG THƯỜNG					
Phân loại:-	Tính ăn mòn				
R - Nhóm:	R31 - Tiếp xúc với acid giải phóng hơi độc R35 - Gây phỏng nặng R41 - Hủy hoại nặng và hoàn toàn cho mắt				
S - Nhóm :	S2 - Tránh xa tầm với của trẻ em S26 - Trong trường hợp vào mắt, rửa ngay lập tức với nước sạch và đến cơ quan y tế để được giúp đỡ S37/39 - Mặc đồ bảo hộ lao động, đeo găng và mắt kính				

PHẦN 16 : THÔNG TIN KHÁC

N/A